TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG YANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2024
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đại Dương**

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà **Vũ Thị Hà**

2. Bà **Nguyễn Thị Định**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Lê Hiền Băng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST - HNGĐ ngày 09/7/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/10/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T** - Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện M, tỉnh Gia LaiCó mặt.

Bị đơn: Anh **Đặng Văn H** – Sinh ngày: 30/6/1991

Địa chỉ: K, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia LaiVắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2024, Bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/3/2016, sau khi kết hôn chị và anh H chung sống tại thôn Đ, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì giữa giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp, chị và anh H1 xuyên cãi nhau, chị cũng đã cố hàn gắng nhiều lần vì con nhưng không thành, hiện tại vợ chồng chị cũng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nhận thấy vợ chồng cũng không còn có thể hàn gắn về chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H

- Về con chung: chị T và anh H2 02 con chung là Đặng Minh Q - Sinh ngày: 02/01/2017 và Đặng Minh H3 - Sinh ngày: 24/01/2022. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H4 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T2 anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Đặng Văn H5 mặt tại phiên hòa giải nhưng tại bản tự khai ngày 01/8/2024 anh H6 bày như sau:***

Anh không đồng ý ly hôn với chị T1 lý do giữa hai vợ chồng anh có mâu thuẫn về tiền bạc và tranh chấp nuôi con nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Hai con hiện đang còn rất nhỏ và cần sự chăm sóc của cả hai vợ chồng. Vì vậy mong Tòa xem xét để vợ chồng anh có thời gian hàn gắn để có một gia đình hạnh phúc, cùng nhau chăm sóc hai con lớn và trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Thu T2 anh Đặng Văn H kết hôn vào 15/3/2016 có đăng ký theo quy định pháp luật. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016 do UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/3/2016 mà nguyên đơn đã giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T2 anh H là hợp pháp. Quá trình thụ lý vụ án xác định anh Đặng Văn H7 cư trú tại K, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia LaiVì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

[1.2] *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của đương sự và xác nhận của địa phương, nhận thấy trong quá trình chung sống, giữa chị T2 anh H có phát sinh mâu thuẫn. Hiện cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đối với anh Đặng Văn H mặc dù nguyện vọng của anh không muốn ly hôn để vợ chồng cùng chăm

sóc con chung, nhưng các lần hòa giải Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần mà anh vẫn không đến tham gia phiên hòa giải, điều đó chứng tỏ anh không có sự thiết tha với việc hàn gắn tình cảm gia đình như những gì anh đã trình bày tại hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ hai phía, tuy nhiên các bên không tìm cách khắc phục mà để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện cả hai đã sống ly thân không còn có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm giữa vợ chồng đã thực sự rạn nứt, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu T3 ly hôn với anh Đặng Văn H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị T2 anh H2 02 con chung Đặng Minh Q - Sinh ngày: 02/01/2017 và Đặng Minh H3 - Sinh ngày: 24/01/2022. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H4 cấp dưỡng nuôi con. Xét theo nguyện vọng của cháu Đặng Minh Q1 ở với mẹ sau khi chị T2 anh H8 hôn, mặc khác anh H9 có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì về phần nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung là Đặng Minh Q2 Đặng Minh H1cho chị T5 người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Thu T4

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đặng Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 08/2016 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/3/2016).

- *Về nuôi con chung:* Giao hai con chung là Đặng Minh Q - Sinh ngày: 02/01/2017 và Đặng M H1sinh ngày: 24/01/2022 cho chị Nguyễn Thị Thu T5 người trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* anh Đặng Văn H không phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0012535 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2024), đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- UBND xã Đak DjRăng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Định	**Vũ Thị Hà**	**Trần Đại Dương**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- UBND xã Đak DjRăng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Dương